TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2023/DSST
Ngày: 04/5/2023
Về việc: **"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hồng
2. Ông Đặng Như Hùng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quậnThanh Xuân, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2021/TLST-DS ngày 11/5/2021 về việc ***"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-DS ngày 23/3/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 44/2023/QĐST - DS ngày 13/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ**
Địa chỉ trụ sở: Tháp B, số 1 T, phường L, quận H, Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Chí T - Phó giám đốc Phòng giao dịch P, chi nhánh T *(theo văn bản uỷ quyền số 1675/B.TX - QLRR ngày 02/10/2018)* - Có mặt tại phiên toà

- Bị đơn: **Anh Phạm Duy T, sinh năm 1972**
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2A, phố Q, phường Q, quận B, thành phố H - Vắng mặt tại phiên toà

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Công ty TNHH P- H**
Địa chỉ theo đăng ký kinh doanh: Số 6, Vilas E, phường M, quận N, thành phố H.
Địa chỉ trụ sở: Lô C ô đất D4, khu đô thị C, phường D, quận C, thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc Q - Chủ tịch Hội đồng thành viên
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Mạnh T - Nhân viên Công ty - Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ Đ - ông Nguyễn Chí T trình bày:

Ngày 11/11/2014, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh T - Phòng giao dịch M (viết tắt là B) và ông Phạm Duy T ký "Hợp đồng tín dụng" số 5184873/01/2014/HĐTD. Theo đó, B cho ông T vay số 499.125.000 đồng, mục đích là để thanh toán tiền mua căn hộ số B4, tầng 2*, diện tích 121 m^2 thuộc Tòa nhà Thương mại, Văn phòng và Căn hộ S; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên; Lãi suất kể từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/12/2014 là 10,5%/năm, sau đó điều chỉnh 03 tháng một lần vào ngày làm việc đầu tiên của hàng quý trong năm, lãi suất các kỳ tiếp theo không thấp hơn lãi suất của B Thanh Xuân quy định tại thời điểm điều chỉnh. Đối với các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo, nếu lãi suất cho vay thay đổi, Ngân hàng sẽ có thông báo gửi cho bên vay; Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả thành 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 8.300.000 đồng, kỳ thứ 60 trả 9.425.000 đồng; Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 25/11/2014, nợ lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phạm Duy T phát sinh từ "Hợp đồng mua bán căn hộ" số 69/SKYVIEW-TTT/HĐMBCH được xác lập bởi Công ty TNHH P- Hà Nội và ông Phạm Duy T bao gồm tất cả các quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sở hữu, nhận bàn giao căn hộ, yêu cầu chủ đầu tư cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ, quyền sử dụng các dịch vụ hạ tầng và tất cả các quyền, lợi tức, lợi ích, các khoản bồi hoàn có liên quan đối với nhà ở là căn hộ số: B4 tầng 24, diện tích 121m^2 thuộc Toà nhà Thương mại, Văn phòng và Căn hộ S theo "Hợp đồng thế chấp quyền tài sản" số 5184873/01/2014/HĐBĐ ngày 11/11/2014 ký giữa ông Phạm Duy T và B.Tổng giá trị tài sản tại thời điểm thế chấp là 3.327.500.000 đồng; Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/11/2014 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, B đã giải ngân cho ông Phạm Duy T số tiền 499.125.000 đồng theo "Bảng kê rút vốn" số 5184873 ngày 11/11/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T mới thanh toán trả B số tiền gốc là 24.900.000 đồng, tiền lãi là 18.882.894 đồng. Kể từ ngày 04/04/2016, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi đối với Ngân hàng. B Thanh Xuân đã liên tục thông báo, đôn đốc ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T không hợp tác, trốn tránh trách nhiệm, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của B.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, B phải khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết

Nay B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị tòa án buộc ông Phạm Duy T thanh toán số tiền nợ gốc là 474.225.000 đồng và nợ lãi theo "Hợp đồng tín dụng" số 5184873/01/2014/HĐTD ngày 11/11/2014 tính đến ngày 30/09/2021 và khoản tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì đề nghị Toà án tuyên B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên,

phát mại tài sản bảo đảm theo "Hợp đồng thế chấp quyền tài sản" số 5184873/01/2014/HĐBĐ ngày 11/11/2014 để thu hồi nợ.

**** Bị đơn - ông Phạm Duy T*** vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Toà án không thể ghi lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH P-H*** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện nguyên đơn trình bày: B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Duy T phải thanh toán trả Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/09/2021 là 909.190.404 đồng, trong đó nợ gốc là 474.225.000 đồng, nợ lãi cộng dồn là 434.965.404 đồng, phí trả chậm cộng dồn là 106.468.430 đồng theo "Hợp đồng tín dụng" số 5184873/01/2014/HĐTD ngày 11/11/2014 và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông T không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phạm Duy T phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ số 69/SKYVIEW-TTT/HĐMBCH ngày 24/04/2014 giữa Công ty TNHH P- H và ông Phạm Duy T theo "Hợp đồng thế chấp quyền tài sản" số 5184873/01/2014/HĐBĐ ngày 11/11/2014 để thu hồi nợ. Đối với khoản tiền lãi và phí chậm trả từ ngày tiếp theo ngày 30/09/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, B không yêu cầu bị đơn thanh toán.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Thanh Xuân có quan điểm*:**

+ Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Toà án và những người tham gia tố tụng: Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu kèm theo, Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Tòa án quận Thanh Xuân và nguyên đơn có chi nhánh tại quận Thanh Xuân. Do vậy, Tòa án Thanh Xuân thụ lý vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS; Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc thu thập chứng cứ: Tòa án tiến hành xem xét thẩm định đối với căn hộ theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 69/SKYVIEW-TTT/HĐMBCH ngày 24/4/2014 giữa ông Phạm Duy T và Công ty TNHH P-H. Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 97, Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Toà án đã tuân theo quy định tại Điều 207, 208 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng trực tiếp cho nguyên đơn,bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tòa án thực hiện đúng quy định theo Điều 173, 175, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển

hồ sơ cho Viện kiểm sát: Ngày 11/5/2021 Tòa án thụ lý vụ án, ngày 11/11/2021 Tòa án thụ lý bổ sung đưa Công ty TNHH P-H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ngày 23/3/2023 Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án, thẩm phán có tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, do vậy vụ án thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự .

- Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Thành phần HĐXX đã đảm bảo đúng quy định tại Điều 52, 53, 54 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Bị đơn, người liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ ***Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 21, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, Điều 303 và các điều 322, 323, 351, 357, 466, 468 Bộ luật dân sự 2005; Căn cứ các điều 52, 54, 56 và khoản 2 Điều 91, 92, 93, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội và danh mục mức án phí lệ phí kèm theo, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với ông Phạm Duy T; Buộc ông Phạm Duy T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi là: Nợ gốc: 474.225.000 đồng; nợ lãi: 328.496.974 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo sau ngày xét xử, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bị đơn không thanh toán được toàn bộ số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Tất cả các Quyền, quyền sở hữu và lợi ích của ông Phạm Duy T phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ số 69/SkyView-TTT/HĐMBCH ngày 24/4/2014 và Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 5184873/01/2014 ngày 11/11/2014.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng; Không chấp nhận đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi của nguyên đơn

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp, về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện bị đơn - ông Phạm Duy T có địa chỉ cư trú tại số 2A Q, phường Q, quận B, Hà Nội. Theo Hợp đồng tín dụng, các bên thoả thuận mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình vay vốn, nếu không thương lượng được, các bên có quyền khởi kiện tại Toà án nhân dân quận Thanh Xuân. Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh do nguyên đơn xuất trình, Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh T có địa chỉ trụ sở tại số 01 N, phường T, quận Thanh Xuân, Hà Nội nên thoả thuận của các bên về việc khởi kiện tại Toà án nhân dân quận Thanh Xuân là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn - ông Phạm Duy T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH P-H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Ngày 11/11/2014, ông Phạm Duy T và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B) xác lập quan hệ tín dụng thông qua "Hợp đồng tín dụng" số 5184873/01/2014/HĐTD. Xét nội dung và hình thức của hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức, nội dung phù hợp quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ Điều 122, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, hợp đồng có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

Theo nội dung hợp đồng, B đồng ý cho ông T vay số tiền 499.125.000 đồng, mục đích là để thanh toán tiền mua căn hộ số B4, tầng 24 diện tích 121m^2 Tòa nhà Thương mại, Văn Phòng và Căn hộ S; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên; Lãi suất vay kể từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/12/2014 là 10,5%/năm, sau đó điều chỉnh 03 tháng một lần vào ngày làm việc đầu tiền của hàng quý trong năm, lãi suất các kỳ tiếp theo không thấp hơn lãi suất của B Thanh Xuân quy định tại thời điểm điều chỉnh; Nợ gốc trả theo kỳ, nợ lãi trả vào ngày 25 hàng tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi ký hợp đồng, B đã giải ngân cho ông T số tiền 499.125.000 đồng theo bảng kê rút vốn mã CIF:5184873 ngày 11/11/2014.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, ông T mới thanh toán trả Ngân hàng được số tiền nợ gốc là 24.900.000 đồng, nợ lãi là 18.882.894 đồng. Theo nguyên đơn trình bày, kể từ sau ngày 04/4/2016 đến nay, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cũng như nợ lãi theo thỏa thuận đối với B. Do vậy, B khởi kiện ông T để thu hồi toàn bộ khoản nợ gốc còn lại và lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 290, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc của nguyên đơn:

Theo thoả thuận, B cho ông T vay tổng số tiền 499.125.000 đồng và Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay toàn bộ số tiền trên theo bảng kê rút vốn ngày 11/11/2014. Theo thỏa thuận của các bên, ông T phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc trong thời hạn 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 8.300.000 đồng, kỳ thứ 60 trả 9.425.000 đồng. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 25/11/2014. Kể từ lần Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên đến ngày 04/4/2016, ông T mới thanh toán trả Ngân hàng được tổng số tiền gốc là 24.900.000 đồng. Từ sau ngày 04/4/2016, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc là vi phạm thoả thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng. Hợp đồng có thời hạn 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên (ngày 11/11/2014), như vậy, ngày 11/11/2019 là ngày hết hạn hợp đồng, Ngân hàng có quyền khởi kiện thu hồi toàn bộ khoản nợ gốc còn lại. Qúa trình giải quyết vụ án, mặc dù ông T vắng mặt, không tham gia tố tụng và cũng không xuất trình bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh giao dịch thanh toán đối với B sau ngày 04/04/2016 nhưng căn cứ vào Biên bản hoà giải không thành lập tại Trung tâm hoà giải đối thoại tại Toà án nhân dân quận Thanh Xuân ngày 24/01/2019, trước thời điểm thụ lý vụ án, ông Phạm Duy T đã thừa nhận có ký "Hợp đồng tín dụng" số 5184873/01/2014/HĐTD ngày 11/11/2014 nhưng do dự án nhà ở ông mua chưa triển khai nên ông đồng ý để B xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, ông T không có bất cứ ý kiến nào đối với yêu cầu B đưa ra về dư nợ gốc và dư nợ lãi tính đến ngày 31/08/2018 (trong đó nợ gốc là 474.225.000 đồng, nợ lãi 177.327.217 đồng, phí phạt chậm trả là 34.513.071 đồng). Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Phạm Duy T chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đối với B. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ông T thanh toán số tiền nợ gốc 474.225.000 đồng, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 290, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thực hiện.

[2.2].Xét yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi của nguyên đơn:

Theo hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận áp dụng mức lãi suất vay là 10,5%/năm áp dụng từ thời điểm giải ngân cho đến hết ngày 31/12/2014. Sau ngày 31/12/2014, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiền của hàng quý trong năm, lãi suất các kỳ tiếp theo không thấp hơn lãi suất của B Thanh Xuân quy định tại thời điểm điều chỉnh; Nợ gốc trả theo kỳ, nợ lãi trả vào ngày 25 hàng tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Xét mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, *"tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* nên việc B và ông T thỏa thuận về lãi suất vay 10,5%/năm tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật. Qúa trình thực hiện hợp đồng, do nguyên đơn không xuất trình tài liệu chứng cứ về việc điều chỉnh lãi suất đối với khoản vay theo thoả thuận của các bên trong hợp đồng nên không có căn cứ xác định B có thực hiện điều chỉnh lãi suất vay đối với dư nợ gốc của ông T không.

Tuy nhiên, căn cứ vào các Thông báo về việc điều chỉnh lãi suất cho vay do B ban hành trên toàn hệ thống, áp dụng từ ngày 21/01/2015 đến 16/09/2020 thể hiện lãi suất cho vay của B có sự điều chỉnh, cụ thể: Đối với khách hàng cá nhân, kỳ hạn cho vay 60 tháng: Năm 2015 là 11%, năm 2016 là 10,5%, năm 2017, 2018 là 11%, năm 2019 là 10,7% và từ ngày 16/09/2020 áp dụng lãi suất cho vay 9.5%/năm

Đối với khoản vay của ông Phạm Duy T, theo Hợp đồng tín dụng, các bên thoả thuận lãi suất vay đến ngày 31/12/2014 là 10,5%, sau đó điều chỉnh 03 tháng một lần vào ngày làm việc đầu tiên của hàng quý trong năm, lãi suất các kỳ tiếp theo không thấp hơn lãi suất của B Thanh Xuân quy định. Như vậy, mức lãi suất đối với đối với dư nợ gốc của ông T sẽ theo mức lãi suất cho vay do B quy định trên toàn hệ thống nêu trên.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thành toán khoản tiền lãi tính đến ngày 31/08/2018 là 177.327.217 đồng. Tại Trung tâm hoà giải đối thoại tại Toà án, bị đơn không có ý kiến gì về số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày, từ sau ngày 04/04/2016 đến nay, ông T không thanh toán bất cứ khoản nợ gốc, lãi nào cho B và bị đơn cũng không xuất trình cho Toà án tài liệu nào chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ lãi của mình. Do đó, từ ngày 05/04/2016, số tiền gốc của các kỳ thanh toán đến hạn của ông T bị áp dụng lãi suất quá hạn và từ ngày 11/11/2019 - ngày đáo hạn hợp đồng tín dụng, toàn bộ dư nợ gốc 474.225.000 đồng bị áp dụng lãi suất quá hạn. Theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, *"lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có) nêu tại điểm a khoản này tại thời điểm chuyển nợ quá hạn"* (lãi suất nêu tại điểm a khoản này trong hợp đồng là 10,5%/năm. Do không có căn cứ về việc B điều chỉnh lãi suất vay nên xác định lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn là 10,5%/năm x 150% = 15,75%/năm.

Như vậy số tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc của ông T tính từ thời điểm hết hạn hợp đồng ngày 11/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 474.225.000 đồng x 15,75%/năm x 3 năm 5 tháng 23 ngày = 255.669.516 đồng + số tiền lãi tính đến ngày 31/08/2018 theo đơn khởi kiện là 177.327.217 đồng = 432.996.733 đồng.

Về số tiền lãi từ ngày tiếp theo 31/08/2018 đến ngày 11/11/2019 (ngày hết hạn hợp đồng), do nguyên đơn không xuất trình tài liệu chứng minh số tiền nợ gốc trong hạn là bao nhiêu, số tiền nợ gốc quá hạn là bao nhiêu nên Hội đồng xét xử

không có căn cứ để xác định số tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn bên vay phải chịu.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi cộng dồn tính đến ngày 30/09/2021 là 328.496.974 đồng và không yêu cầu ông T phải thanh toán khoản tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày 30/09/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị đơn chỉ phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền số tiền lãi là 328.496.974 đồng.

[2.3].Xét yêu cầu thanh toán khoản tiền phí trả chậm của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông T phải thanh toán trả B số tiền phí trả chậm tính đến ngày 31/08/2018 là 34.513.071 đồng, ngày 06/03/2023 và tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền phí trả chậm cộng dồn tính đến ngày 06/03/2023 là 106.468.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không xuất trình bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh số tiền phí trả chậm nguyên đơn yêu cầu thanh toán được tính trên nợ dư nợ gốc hay dư nợ lãi của bên vay và phương pháp tính số tiền phí này như thế nào.

Theo nội dung hợp đồng tín dụng, các bên thoả thuận *"Phí: Theo quy định của Ngân hàng"*, không có thoả thuận cụ thể về cách tính phí trả chậm bên vay phải chịu.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không xuất trình tài liệu chứng cứ nào quy định về cách tính phí của B đối với khoản vay của ông T.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày số tiền phí trả chậm nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là phí chậm trả lãi, được tính trên dư nợ lãi chưa thanh toán của bị đơn.

Căn cứ quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 8 Nghị quyết 01/2019 /NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, yêu cầu thanh toán khoản tiền phí trả chậm của nguyên đơn tính trên dư nợ lãi (tức là lãi chồng lãi) không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu, được Toà án chấp nhận là : 474.225.000 đồng + 328.496.974 đồng = 802.721.974 đồng

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán của ông T kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử đến khi thanh toán xong khoản nợ, theo theo Án lệ số 08/2016/AL *"về việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử"* được lựa chọn từ quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/05/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *"Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi*

suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 và quy định tại Án lệ số 08/2016/AL, buộc ông T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho XXBank.

[**2.2.3].Về tài sản bảo đảm cho khoản vay:** Ngày 11/11/2014, ông Phạm Duy T và B giao kết "Hợp đồng thế chấp quyền tài sản" số 5184873/01/2014/HĐBĐ, theo đó, bên thế chấp là ông T cam kết thế chấp quyền tài sản là Hợp đồng mua bán căn hộ số 69/SKYVIEW - TTT/HĐMBCH ngày 24/04/2014 cùng tất cả các quyền hợp đồng phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sở hữu căn hộ, nhận bàn giao căn hộ, yêu cầu chủ đầu tư cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ, quyền sử dụng các dịch vụ hạ tầng và tất cả các quyền, lợi tức, lợi ích, các khoản bồi hoàn, các khoản thanh toán khác và tài sản khác mà bên thế chấp được nhận hoặc sẽ được nhận để thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến nhà ở là căn hộ số: B4 tầng 24, diện tích 121 m^2 tòa nhà Thương mại, Văn phòng và Căn hộ S có giá trị tại thời điểm thế chấp là 3.327.500.000 đồng.

Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/11/2014 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 181, khoản 1 Điều 322 và các điều 323, 342, 343, 348, 349, 350, 351 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 4, Điều 8, Điều 10, Điều 12 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/NĐ-CP của Chính Phủ, Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/07/210 về đăng ký giao dịch bảo đảm, hình thức và nội dung "Hợp đồng thế chấp quyền tài sản đã giao kết phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

Tại thời điểm giao kết "Hợp đồng thế chấp quyền tài sản" số 5184873/01/2014/HĐBĐ, căn hộ B4 tầng 24, diện tích 121 m2 Tòa nhà Thương mại, Văn phòng và Căn hộ S chưa hình thành nên cùng ngày 11/11/2014 giữa B - Chi nhánh T, phòng giao dịch M và chủ đầu tư thực hiện dự án Tòa nhà Thương mại, Văn phòng và Căn hộ S là Công ty TNHH P- H đã ký Hợp đồng liên kết quản lý tài sản bảo đảm nợ vay" số 01/2014/HĐQLTS, theo đó thỏa thuận các quyền và nghĩa vụ Ngân hàng, của doanh nghiệp và của bên vay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Phạm Duy T và Công ty TNHH P-H không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào về việc các bên có sửa đổi, bổ sung đối với hợp đồng mua bán căn hộ hoặc Công ty TNHH P-H có làm thủ tục để doanh nghiệp hoặc khách hàng thực hiện các quyền mua bán, cho, tặng, chuyển nhượng, thế chấp/cầm cố tại một bên khác B, sang tên, góp vốn liên doanh đối với căn hộ nói trên, do đó

Hợp đồng mua bán căn hộ số 69/SKYVIEW - TTT/HĐMBCH ngày 24/04/2014 vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm theo "Hợp đồng thế chấp quyền tài sản" số 5184873/01/2014/HĐBĐ, xác định được tài sản theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 69/SKYVIEW - TTT/HĐMBCH ngày 24/04/2014 ký giữa ông Phạm Duy T và Công ty TNHH P- H chưa hình thành.

Theo nội dung hợp đồng thế chấp, tài sản này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với bên Ngân hàng phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 5184873/01/2014/HĐTD ngày 11/11/2014 bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt quá hạn, phí, khoản phạt, khoản bồi thường thiệt hại, do đó, trong trường hợp ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với B, B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm trên để thu hồi khoản nợ trong phạm vi nghĩa vụ dân sự bảo đảm theo quy định tại Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được lớn hơn nghĩa vụ dân sự được bảo đảm thì ông T có quyền nhận lại số tiền chênh lệch, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án và điểm d, b Mục 1.3 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị Quyết.

Cụ thể, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000 đồng + 3% x (802.721.974 đồng - 800.000.000 đồng) = 36.081.659 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 106.468.430 đồng x 5% = 5.323.421 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 15.721.000 đồng nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006625 ngày 11/05/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 10.397.579 đồng

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 122, Điều 290, Điều 471, Khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 322 và các điều 323, 342, 343, 348, 349, 350, 351 Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 4, Điều 8, Điều 10, Điều 12 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/NĐ-CP, khoản 3 Điều 47 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/07/210 về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 11, Điều 13 Quyết định số 1627/QĐ- NHNN ngày

31/12/2001 về việc ban hành Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/205 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 1627QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, Điều 8 Nghị quyết 01/2019 /NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án và điểm d, b Mục 1.4 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị Quyết

*** Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đối với ông Phạm Duy T về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi theo "Hợp đồng tín dụng" số 5184873/01/2014/HĐTD ngày 11/11/2014

Buộc ông Phạm Duy T phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi theo "Hợp đồng tín dụng" số 5184873/01/2014/HĐTD ngày 11/11/2014 là: 802.721.974 đồng *(tám trăm linh hai triệu bảy trăm hai mốt ngàn chín trăm bảy tư đồng*), trong đó nợ gốc là: 474.255.000 đồng (*bốn trăm bảy tư triệu hai trăm năm nhăm ngàn đồng chẵn)*, nợ lãi là 328.496.974 đồng *(ba trăm hai tám triệu bốn trăm chín sáu ngàn chín trăm bảy tư đồng)*

[2]. Trong trường hợp ông Phạm Duy T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền tài sản theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 69/SKYVIEW - TTT/HĐMBCH ngày 24/04/2014 cùng tất cả các quyền hợp đồng phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sở hữu căn hộ, nhận bàn giao căn hộ, yêu cầu chủ đầu tư cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ, quyền sử dụng các dịch vụ hạ tầng và tất cả các quyền, lợi tức, lợi ích, các khoản bồi hoàn, các khoản thanh toán khác và tài sản khác mà bên thế chấp được nhận hoặc sẽ được nhận để thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến nhà ở là căn hộ số: B4 tầng 24, diện tích 121 m^2 tòa nhà Thương mại, Văn phòng và Căn hộ S để thu hồi khoản nợ gốc và lãi trong phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán tài sản lớn hơn nghĩa vụ dân sự được bảo đảm thì ông T được nhận lại số tiền chênh lệch, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

[3]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Duy T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4]. Bác yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán khoản tiền phí phạt trả chậm tính đến ngày 06/03/2023 là 106.468.000 đồng của nguyên đơn.

[5]. Về án phí: Ông Phạm Duy T phải chịu 36.081.659 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ phải chịu 5.323.421 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 15.721.000 đồng Ngân hàng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006625 ngày 11/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 10.397.579 đồng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH P- H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn - ông Phạm Duy T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Diệu Thúy

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Thanh Xuân
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS Q.Thanh Xuân
- Lưu hồ sơ vụ án